

Số: /TB-TTKSBT

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2025

**THÔNG BÁO**

**Về việc mời chào giá gói thầu: Thuê dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống xử lý nước thải của Cụm công trình y tế số 118 Lê Đình Lý**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng đang có nhu cầu: Thuê dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống xử lý nước thải của Cụm công trình y tế số 118 Lê Đình Lý.

Để có cơ sở thực hiện đấu thầu mua sắm, Kính mời Quý công ty có quan tâm vui lòng chào giá theo các nội dung sau:

| TT | Tên thiết bị                                                               | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đvt | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|----------------|-------------------|---------|
| 01 | Bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống xử lý nước thải của Cụm y tế số 118 Lê Đình Lý | Theo danh mục bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải (Phụ lục chi tiết đính kèm)<br><b>Thời gian thực hiện bảo trì bảo dưỡng định kỳ:</b> (3 tháng/1 lần) trong giờ hành chính từ Thứ 2 đến Thứ 6 và kiểm tra đột xuất theo yêu cầu khi có sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải xảy ra tính cả ngày nghỉ, lễ, tết. Đảm bảo trực xử lý sự cố 24/24. | Lần | 04       |                |                   |         |

**Bảng chữ: .....đồng**

**Giá trên đã bao gồm các loại thuế và chi phí liên quan.**

**Ghi chú:**

- Quý công ty vui lòng điền đầy đủ thông tin như mẫu trên, ghi rõ ngày tháng chào giá, thời gian có hiệu lực của báo giá (kể từ ngày chào giá). Đơn giá bằng tiền đồng Việt Nam, giá đã trừ chiết khấu, đã bao gồm các loại thuế và các chi phí liên quan.

- Thành tiền = Số lượng x đơn giá

- Bì thư phải được niêm phong, đóng dấu, bên ngoài ghi rõ “Bảng chào giá: Thuê dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống xử lý nước thải của Cụm công trình y tế số 118 Lê Đình Lý” gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 118 Lê Đình Lý, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Liên hệ Văn thư số điện thoại: 0236 3890408) hoặc qua email: [kiemsoatbenhtat@danang.gov.vn](mailto:kiemsoatbenhtat@danang.gov.vn)

**- Hạn chót nhận báo giá: 14 giờ 00 ngày 11/9/2025**

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***

- Ban Giám đốc (báo cáo);
- KHNV (để đăng trên website CDC);
- Lưu: VT, TCHC.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đại Vĩnh**

## PHỤ LỤC

### Danh mục bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải Cụm công trình y tế 118 Lê Đình Lý

(Đính kèm Thông báo số /TB-TTKSBT ngày tháng 9 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng)

| STT      | Tên thiết bị                                                                              | Đặc tính, thông số kỹ thuật                                                                                                                                      | ĐVT | Số lượng | Nội dung thực hiện bảo trì định kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số lần thực hiện/ 1 năm |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| <b>I</b> | <b>DANH MỤC THIẾT BỊ BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG</b>                                               |                                                                                                                                                                  |     |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                         |
| 01       | Bơm hồ gom<br>- Xuất xứ: Nhật Bản.<br>- Hãng sản xuất: ShinMaywa.<br>- Model: CN501       | – Thông số: $Q = 12\text{m}^3/\text{h}$ ,<br>$H = > 6\text{m}$ .<br>– $N = 0,7\text{KW} - 3 \times 380\text{V}$ .<br>– Bao gồm: Khớp nối nhanh, thanh dẫn hướng. | Cái | 02       | - Vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng<br>+ Kiểm tra áp suất, dòng điện, điện trở cách điện, hiệu điện thế.<br>+ Kiểm tra, đánh giá sự khác thường về độ rung, tiếng ồn của hệ thống bơm, phao điện.<br>+ Kiểm tra và bổ sung hoặc thay dầu nhớt, mỡ bôi trơn cho máy bơm nếu thiếu hoặc không đạt chất lượng (Loại dầu: Turbine oil#32 hoặc SHELL TURBO T32 hoặc TERESSO 32). Tối thiểu thay nhớt (1 năm/1 lần)<br>- Vệ sinh tạp chất vướng vào guồng bơm  | 04                      |
| 02       | Bơm bể điều hòa<br>– Xuất xứ: Nhật Bản.<br>– Hãng sản xuất: ShinMaywa.<br>– Model: CN40T. | – Thông số: $Q = 6\text{m}^3/\text{h}$ ,<br>$H = > 5\text{m}$ .<br>– $N = 0,25\text{KW} - 3 \times 380\text{V}$ .<br>– Bao gồm: Khớp nối nhanh, thanh dẫn hướng. | Cái | 02       | - Vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng<br>+ Kiểm tra áp suất, dòng điện, điện trở cách điện, hiệu điện thế.<br>+ Kiểm tra, đánh giá sự khác thường về độ rung, tiếng ồn của hệ thống bơm, phao điện.<br>+ Kiểm tra và bổ sung hoặc thay dầu nhớt, mỡ bôi trơn cho máy bơm nếu thiếu hoặc không đạt chất lượng (Loại dầu: Turbine oil#32 hoặc SHELL TURBO T32 hoặc TERESSO 32). Tối thiểu thay nhớt (1 năm/1 lần)<br>- Vệ sinh tạp chất vướng vào guồng bơm. | 04                      |

| STT | Tên thiết bị                                                                                          | Đặc tính, thông số kỹ thuật                                                                                            | ĐVT | Số lượng | Nội dung thực hiện bảo trì định kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số lần thực hiện/ 1 năm |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 03  | Máy khuấy chìm bể thiếu khí<br>– Xuất xứ: Nhật Bản.<br>– Hãng sản xuất: Tsurumi.<br>Model: MR21NF400. | – Thông số: Q = 2,8 m <sup>3</sup> /min.<br>– N = 0,4KW – 3 x 380V.                                                    | Cái | 02       | - Vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng<br>+ Kiểm tra điện nguồn; MCB, contactor..., kiểm tra các mối nối.<br>+ Vệ sinh máy khuấy, lấy các vật lạ ra khỏi cánh khuấy.<br>+ Vệ sinh bên ngoài máy khuấy và các bu long, vít.<br>- Kiểm tra, đánh giá sự khác thường về độ rung, tiếng ồn trong quá trình hoạt động của máy khuấy;<br>- Kiểm tra và bổ sung/thay nhớt cho máy khuấy chìm bể thiếu khí nếu thiếu hoặc nhớt không đạt chất lượng.<br>(Thay dầu sau 6.000h hoặc 1 năm. (Loại dầu: Turbine oil#32).<br>• Chú ý: Không thay thế hộp dầu giảm tốc | 04                      |
| 04  | Bơm bùn bể lắng<br>– Xuất xứ: Nhật Bản.<br>– Hãng sản xuất: ShinMaywa.<br>– Model: CN40T.             | – Thông số: Q = 6m <sup>3</sup> /h, H = 5m.<br>– N = 0,25KW – 3 x 380V.<br>– Bao gồm: Khớp nối nhanh, thanh dẫn hướng. | Cái | 02       | - Vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng<br>+ Kiểm tra áp suất, dòng điện, điện trở cách điện, hiệu điện thế.<br>+ Kiểm tra, đánh giá sự khác thường về độ rung, tiếng ồn khi bơm hoạt động.<br>+ Kiểm tra và bổ sung hoặc thay dầu nhớt, mỡ bôi trơn cho máy bơm nếu thiếu hoặc không đạt chất lượng (Loại dầu: Turbine oil#32 hoặc SHELL TURBO T32 hoặc TERESSO 32). Tối thiểu thay nhớt (1 năm/1 lần)<br>- Vệ sinh tạp chất vướng vào guồng bơm.                                                                                                        | 04                      |
| 05  | Bơm cặn bể lắng PAC<br>– Xuất xứ: Nhật Bản.                                                           | – Thông số: Q = 6m <sup>3</sup> /h, H = 5m.                                                                            | Cái | 02       | - Vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng<br>+ Kiểm tra áp suất, dòng điện, điện trở cách điện, hiệu điện thế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 04                      |

| STT | Tên thiết bị                                                                                         | Đặc tính, thông số kỹ thuật                                                                                                                                  | ĐVT | Số lượng | Nội dung thực hiện bảo trì định kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số lần thực hiện/ 1 năm |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
|     | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hãng sản xuất: ShinMaywa.</li> <li>Model: CN40T.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>– N = 0,25KW – 3 x 380V.</li> <li>– Bao gồm: Khớp nối nhanh, thanh dẫn hướng.</li> </ul>                              |     |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểm tra, đánh giá sự khác thường về độ rung, tiếng ồn khi bơm hoạt động.</li> <li>+ Kiểm tra và bổ sung hoặc thay dầu nhớt, mỡ bôi trơn cho máy bơm nếu thiếu hoặc không đạt chất lượng (Loại dầu: Turbine oil#32 hoặc SHELL TURBO T32 hoặc TERESSO 32). Tối thiểu thay nhớt (1 năm/1 lần)</li> <li>- Vệ sinh tạp chất vướng vào guồng bơm.</li> </ul>                                                                                                  |                         |
| 06  | Máy thổi khí cạn<br>- Xuất xứ: Đài Loan.<br>– Hãng sản xuất: Tsurumi.<br>– Model: TSR2-80.           | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Q = 2,59m<sup>3</sup>/phút, H = 4m.</li> <li>– N = 3,75KW(5HP)-3 x 380V.</li> </ul>                                 | Cái | 02       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng</li> <li>- Vệ sinh, kiểm tra nguồn điện cung cấp, thông số điện áp trên động cơ.</li> <li>+ Kiểm tra các đai ốc, bu long cố định máy, motor, hệ thống đường ống.</li> <li>+ Kiểm tra đầu hút và xem có các vật rắn rơi vào trong đầu roto hay không.</li> <li>+ Kiểm tra độ căng của dây cua roa.</li> <li>+ Kiểm tra và bổ sung hoặc thay dầu nhớt, mỡ bôi trơn cho máy bơm nếu thiếu hoặc không đạt chất lượng</li> </ul> | 04                      |
| 07  | Bơm lọc<br>– Xuất xứ: Ý.<br>– Hãng sản xuất: Ebara.<br>Model: 3D 32-160/1,5.                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Kiểu: Bơm trục ngang.</li> <li>– Q = 6-20 m<sup>3</sup>/h, H = 27,5-16,4(m)</li> <li>– N = 1,5kW x 380V.</li> </ul> | Cái | 02       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng</li> <li>+ Kiểm tra áp suất, dòng điện, điện trở cách điện, hiệu điện thế.</li> <li>+ Kiểm tra, đánh giá sự khác thường về độ rung, tiếng ồn của hệ thống bơm, phao điện.</li> <li>+ Kiểm tra và bổ sung hoặc thay dầu nhớt, mỡ bôi trơn cho máy bơm nếu thiếu hoặc không đạt chất lượng.</li> <li>Tối thiểu thay nhớt (1 năm/1 lần)</li> <li>- Vệ sinh tạp chất vướng vào guồng bơm.</li> </ul>                            | 04                      |

| STT | Tên thiết bị                                                                              | Đặc tính, thông số kỹ thuật                                                                | ĐVT | Số lượng | Nội dung thực hiện bảo trì định kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số lần thực hiện/ 1 năm |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 08  | Bơm định lượng PAC<br>– Xuất xứ: Ý.<br>– Hãng sản xuất: Seko.<br>Model: MS1B108A51C.      | – Thông số: Q = 40 lít/h,<br>N = 0,25Kw – 3 x 380V.                                        | Cái | 02       | - Vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng<br>+ Kiểm tra áp suất, dòng điện, điện trở cách điện, hiệu điện thế.<br>+ Kiểm tra, đánh giá sự khác thường về độ rung, tiếng ồn khi bơm hoạt động.<br>+ Kiểm tra và bổ sung hoặc thay dầu nhớt, mỡ bôi trơn cho máy bơm nếu thiếu hoặc không đạt chất lượng.<br>Tối thiểu thay nhớt (1 năm/1 lần)<br>- Vệ sinh tạp chất vướng vào guồng bơm. | 04                      |
| 09  | Bơm định lượng clo<br>– Xuất xứ: Ý.<br>– Hãng sản xuất: Seko.<br>Model: MS1B108C51.       | – Thông số Q = 14 lít/h,<br>– N = 0,25Kw – 3 x 380V.                                       | Cái | 02       | - Vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng<br>+ Kiểm tra dòng điện, điện trở cách điện, đánh giá sự khác thường về độ rung, tiếng ồn khi bơm hoạt động.<br>+ Kiểm tra vệ sinh Lupe.<br>+ Kiểm tra và bổ sung hoặc thay dầu nhớt, mỡ bôi trơn cho máy bơm nếu thiếu hoặc không đạt chất lượng (Thay nhớt 3 tháng/ lần).                                                                   | 04                      |
| 10  | Quạt hút<br>– Xuất xứ: Việt Nam.<br>Model: CPL-2-2,2D.                                    | – Thông số: Q = 500m <sup>3</sup> /h, 300Pa, N = 0,55KW.<br>– Động cơ: Elektrim-Singapore. | Cái | 01       | - Kiểm tra dòng điện định mức;<br>- Kiểm tra độ rung, tiếng ồn của quạt hút.<br>- Vệ sinh, kiểm tra và bổ sung hoặc thay dầu nhớt, mỡ bôi trơn cho quạt hút (nếu cần).                                                                                                                                                                                                       | 04                      |
| 11  | Bơm hóa chất xử lý mùi<br>– Xuất xứ: Ý.<br>– Hãng sản xuất: Ebara.<br>– Model: CDX 70/05. | – Thông số: Q = 5m <sup>3</sup> /h;<br>H=15m,<br>– N = 0,37KW.                             | Cái | 02       | - Vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng<br>+ Kiểm tra áp suất, dòng điện, điện trở cách điện, hiệu điện thế.<br>+ Kiểm tra, đánh giá sự khác thường về độ rung, tiếng ồn khi bơm hoạt động.                                                                                                                                                                                           | 04                      |

| STT | Tên thiết bị                                                                                                    | Đặc tính, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                        | ĐVT | Số lượng | Nội dung thực hiện bảo trì định kỳ                                                                                                                                                                                            | Số lần thực hiện/ 1 năm |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
|     |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                    |     |          | + Kiểm tra và bổ sung hoặc thay dầu nhớt, mỡ bôi trơn cho máy bơm nếu thiếu hoặc không đạt chất lượng.<br>Tối thiểu thay nhớt (1 năm/1 lần)<br>- Vệ sinh tạp chất vướng vào guồng bơm.                                        |                         |
| 12  | Cánh khuấy hóa chất<br>– Động cơ: TungLee – Đài Loan.<br>– Model: PF22-020030S3.<br>Cánh khuấy: THT-Việt Nam.   | – Thông số: n = 50rpm, N = 0,175Kw (1/2HP) 3 x 380V.<br>– Cánh: SUS304/PVC.<br>– Động cơ: Đài Loan, Cánh: Việt Nam.                                                                                                | Cái | 04       | - Kiểm tra dòng điện định mức;<br>- Kiểm tra độ rung, tiếng ồn của cánh khuấy.<br>- Vệ sinh, kiểm tra và bổ sung hoặc thay dầu nhớt, mỡ bôi trơn cho cánh khuấy (nếu cần).                                                    | 04                      |
| 13  | Bồn hoá chất Chlorin, PAC, NaOH, Chế phẩm sinh học                                                              | – Kiểu: Bồn đứng<br>– Vật liệu: Nhựa<br>– Dung tích: 500 lít                                                                                                                                                       | Cái | 04       | - Vệ sinh, kiểm tra rò rỉ của bồn chứa.                                                                                                                                                                                       | 04                      |
| 14  | Tủ điện cấp nguồn và điều khiển<br>– Vỏ tủ điện: Việt Nam.<br>– PLC: Siemen.<br>Rơ le trung gian: Carlo –Italy. | – Vỏ tủ điện: Việt Nam.<br>– Vỏ tủ sơn tĩnh điện, dày 1,5mm.<br>– Kích thước (RxCxS): (1,6 x 1,8 x 0,35)m, 2 cánh cửa, 1 lớp cửa, 2 tấm lắp thiết bị.<br>– PLC: Siemen.<br>– PLC + Modul.<br>– MCCB, khởi động từ, | Tủ  | 01       | - Kiểm tra các thiết bị điện trong tủ.<br>- Kiểm tra các rơ le, cầu chì, bảo dưỡng các tiếp điểm.<br>- Kiểm tra, vệ sinh các tiếp điểm đấu nối dây điện, các tiếp điểm của Aptomat.<br>- Kiểm tra dòng điện cấp đến thiết bị. | 04                      |

| STT       | Tên thiết bị                                                                              | Đặc tính, thông số kỹ thuật                                                                                                                                                 | ĐVT | Số lượng | Nội dung thực hiện bảo trì định kỳ | Số lần thực hiện/ 1 năm |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|------------------------------------|-------------------------|
|           |                                                                                           | role nhiệt: Scheiner.<br>– Rơ le trung gian: Carlo –Italy.<br>– Rơ le trung gian, LS, đồng hồ volt, đồng hồ ampe, nút ấn, selector, ray, máng nhựa.<br>– Phụ kiện: Trọn bộ. |     |          |                                    |                         |
| <b>II</b> | <b>CHẾ ĐỘ BÁO CÁO</b>                                                                     |                                                                                                                                                                             |     |          |                                    |                         |
| 1         | - Gửi báo cáo công việc có ký tên, đóng dấu đến Trung tâm sau mỗi lần bảo trì, bảo dưỡng. |                                                                                                                                                                             |     |          |                                    | 04                      |

